

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 1963/2024/QĐST-HNGĐ **Thành phố T**, ngày 21 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 692/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông **Lê Hoàng M**, sinh năm 1994

Căn cước công dân số 094094008798 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2022

Thường trú: **ấp S, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.**

2/ Bà **Đặng Thị Trúc L**, sinh năm 1993

Căn cước công dân số 070193010671 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021

Thường trú: **số B Đường D, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/02/2016.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/5/2024, ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** xác định không có.

- Về tài sản chung: Ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** xác định không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** xác định không có.

1.3 Về tài sản chung: Ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0025371 ngày 06/3/2024 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0025888 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. ông **Lê Hoàng M** và bà **Đặng Thị Trúc L** đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ Thủy